TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 6 - 2024
V/v ly hôn Tuyền – Tính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Trí Thiện.

Ông Huỳnh Văn Sức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2024/TLST - HNGĐ ngày 07/03/2024 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1990.

Trú tại: ấp H, xã P, huyện P, Tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1989.

Trú tại: tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2024 nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà T, ông T1 sau thời gian tìm hiểu được sự đồng ý của ông, bà và gia đình rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109, ngày 02 tháng 8 năm 2010. Sau khi kết hôn thì ông T1, bà T sống tại nhà ông T1 tại xã P, sống hạnh phúc thời gian đầu về sau phát sinh mâu thuẫn do ông T1 không chí thú làm ăn, thường xuyên uống rượu, vợ chồng vì thế hay cải nhau, mỗi lần cải nhau ông T1 đánh bà T, bà T rất nhiều lần trình báo Công an xã P nhằm giáo dục, răng đe ông T1 thay đổi tính tình, vợ chồng sống chung để nuôi dạy con nhưng ông T1 vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Bà T bỏ về nhà cha mẹ đẻ

sống từ năm 2022 đến nay, vợ chồng ly thân. Trong thời gian ly thân ông T1, bà T không qua lại hỏi thăm hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Con chung: Ông T1, bà T có hai con chung tên Phạm Gia Â, sinh ngày 15/4/2010, con chung đang sống chung với ông T1, khi ly hôn bà T đồng ý giao con chung cho ông T1 nuôi dưỡng, không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phạm Văn T1 vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân được bà Trần Thị Kim A(mẹ đẻ của ông T1) cho biết: ông Phạm Văn T1 là con ruột, bà Trần Thị T là con dâu. Tính và T là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu tại ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống Tuyền, T1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, T bỏ nhà đi hơn hai năm nay. Tính đang sống tại địa phương với bà, gia đình có biết việc T xin ly hôn với T1 tại Toà án do T1 bận công việc không đến Toà được, T2 Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Tuyền, T1 có một con chung và đang sống chung với T1. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng T1 thì không rõ.

Đại diện ban ấp H, xã P cho biết: Ông Phạm Văn T1 hiện vẫn còn đăng ký thường trú tại ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Về tình trạng hôn nhân của ông T1, bà T như thế nào thì địa phương không rõ, được biết ông T1, bà T có một người con chung, không rõ họ và tên.

Tại phiên tòa, kiểm sát *viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Ông T1 không có mặt theo các thông báo là thực hiện không đúng Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cho bà T được ly hôn với ông T1. Về con chung giao cho ông T1 được tiếp tục nuôi dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông T1 nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông T1 được tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng

vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1 Về hôn nhân: bà T và ông T1 tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống và có đăng ký kết hôn năm 2010 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ông T1, bà T chung sống vợ chồng nhưng thường xuyên cải nhau do ông T1 không chí thú làm ăn, thường xuyên uống rượu, mỗi lần cải nhau ông T1 đánh bà T, năm 2022 bà T bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân không ai qua lại, điện thoại hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay bà T xin ly hôn ông T1.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*…". Thế nhưng vợ chồng ông T1, bà T không còn chung sống khoảng hơn hai năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Trần Thị T được ly hôn ông Phạm Văn T1.

[2.2] Về con chung: Bà T, ông T1 có 01 con chung tên Phạm Gia Â, sinh ngày 15/04/2010 con chung đang sống chung ông T1, khi ly hôn bà T đồng ý giao con chung cho ông T1 được nuôi dưỡng, xét từ khi ly thân đến nay con chung đang sống với ông T1, có cuộc sống ổn định, nên tiếp tục giao cháu Phạm Gia Â cho ông T1 nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông T1 vắng mặt, không yêu cầu cấp dưỡng cho con, nên không xem xét giải quyết

[2.3] bà T trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T

Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị T được ly hôn ông Phạm Văn T1.

Về con chung: Giao con chung Phạm Gia Â, sinh ngày 15/4/2010 cho ông T1 được tiếp tục nuôi dưỡng. bà T không phải cấp dưỡng cho con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: bà Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006699 ngày 04/03/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Bà T không phải nộp thêm án phí.

Ông Phạm Văn T1 không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T1, bà T vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Thảo